TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 13-6-2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**
Các Thẩm phán: 1/ Ông **Nguyễn Văn Hòa**
2/ Ông **Triệu Quốc Hiếu**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Bé Tư** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLPT- HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp *"Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn"*, do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy H1**; nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đặng Văn Sáu** - Luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T1**; nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Thanh P**; nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Ông **Trần Hồ Nam** - Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3.2. Bà **Lê Thị H2**; nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3.3. Chị **Nguyễn Thanh T2**; nơi cư trú: Tổ 9, khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H1 trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T1 kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B vào ngày 30/6/2010. Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H - Sinh ngày 06/4/2011, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung, vợ chồng chị có 02 thửa đất số 147 diện tích 232m^2 và thửa 148 diện tích 221,9m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do cha chồng cho chị là ông Nguyễn Thanh P cho, hiện anh T1 đang đứng tên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Trên thửa 147 có căn nhà tường của vợ chồng chị xây năm 2013 ngang 08m, dài 16m, chi phí xây dựng nhà khoảng 500.000.000đ. Do trong quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000đ hoặc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị H1 yêu cầu được hưởng toàn bộ tài sản gồm nhà và 02 thửa đất 147 và 148 do anh T1 đứng tên quyền sử dụng, chị đồng ý hoàn lại ½ giá trị tài sản cho anh T1; về số vàng chị đã bán gồm 01 đôi bông cưới vàng 24K, sợi dây chuyền vàng 18K và miếng vàng SJC tổng cộng 11.500.000đ, chiếc xe chị đang quản lý và tiền sang quán 138.000.000đ thì chị và anh T1 tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị và anh T1 không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* *Tại bản khai ngày 15/5/2017, bản khai bổ sung ngày 24/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 trình bày:*

Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thúy H1. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh H; nếu giao cho chị Thúy H1 nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, anh đồng ý chia đôi căn nhà theo giá của Hội đồng định giá; anh yêu cầu được nhận căn nhà và chia giá trị cho chị Thúy H1 vì căn nhà nằm trên đất của cha anh là ông Nguyễn Thanh P cho riêng anh để ở, sau này sẽ để lại cho con anh ở. Anh xác định anh đứng tên thửa đất số 147 và thửa đất số 148 nhưng cha anh chỉ cho anh thửa 147, còn thửa 148 cho em gái là Nguyễn Thanh T2. Việc chị Thúy H1 yêu cầu chia hai thửa đất trên anh không đồng ý. Về chiếc xe chị Thúy H1 sử dụng và tiền sang quán, anh đồng ý để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 147 và thửa đất 148, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là của ông bà của ông để lại cho ông. Năm 2008, khi anh T1 chưa có vợ thì ông có chia đất cho 03 người con của ông gồm T1, T2 và T3, mỗi

người ngang 06m và dài 38m. Ngày 29/5/2008, ông tách đất từ thửa đất lớn của ông ra thành từng thửa nhỏ để sau này chia cho các con của ông. Năm 2014, ông làm giấy tay cho đất các con của ông, các con của ông có ký tên vào giấy, có ấp xác nhận; ông đã tách đất cho anh T1, anh T3, còn phần đất của chị T2 thì anh T1 đứng tên do T2 đồng ý cho anh T1 mượn để vay vốn làm ăn. Việc chị Thúy H1 đòi chia đất thì ông không đồng ý vì đất ông đã cho riêng anh T1 chứ không phải cho anh T1 và chị Thúy H1. Căn nhà anh T1 và chị Thúy H2 cất có lấn qua thửa đất của ông, nếu chia nhà cho T1 thì ông đồng ý để đất cho T1 ở, còn nếu chia cho chị Thúy H1 thì chị Thúy H1 phải tháo dỡ nhà trả đất lại cho ông. Hai thửa đất số 147 và 148 đang tranh chấp thì ông đề nghị đất của ai phải trả lại cho người đó.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2 trình bày:*

Bà là mẹ ruột của anh T1. Hai thửa đất số 147 và 148 có nguồn gốc là của cha mẹ ruột của ông P để lại cho ông P; sau đó, ông P chia lại cho anh T1 thửa 147, T2 thửa 148 như ông P trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh T2 trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của ông P về nguồn gốc đất. Ông P đã cho chị thửa đất 148, khi làm giấy tờ thì anh T1 có hỏi chị để anh T1 đứng tên thửa 148 cho tiện việc vay vốn làm ăn nên chị cũng đồng ý để anh T1 đứng tên. Do anh T1 và chị Thúy H1 ly hôn, chị yêu cầu anh T1 và chị Thúy H1 trả đất lại cho chị.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Về tài sản:

+ Căn nhà: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thúy H1. Buộc anh T1 phải thoái giá trị căn nhà = 60% = 155.970.000đ cho chị H1; anh Nguyễn Thanh T1được hưởng căn nhà cấp 4 ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Nhà anh T1 đang sử dụng thì anh T1 tiếp tục hưởng.

+ Về quyền sử dụng đất: Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thúy H1 đòi anh T1 chia đôi hai thửa số 147 diện tích 232m^2 và thửa 148 diện tích 221,9m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long hiện anh T1 đang đứng tên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với tổng giá trị là 200.780.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quan hệ hôn nhân, con chung, quyền khởi kiện của chị Thùy, chi phí đo đạc, định giá, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 18/9/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận hai thửa đất số 147 và 148 là tài sản chung của vợ chồng và chia cho vợ chồng theo quy định của pháp luật; chị yêu cầu được sử dụng toàn bộ hai thửa đất 147 và 148 gắn liền với căn nhà, chị sẽ hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho anh T1 là 230.364.730đ. Lý do: Để ổn định cuộc sống cho chị và cháu Nguyễn Thanh H1 - con chung của chị và anh T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thúy H1 thay đổi một phần đơn kháng cáo, cụ thể là chị Thúy H1 yêu cầu công nhận hai thửa đất số 147 và 148, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của chị và anh Nguyễn Thanh T1; chị xin được hưởng căn nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 148 và sẽ hoàn lại cho anh T1 ½ giá trị căn nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 148; anh T1 được hưởng thửa đất số 147 và vật kiến trúc trên thửa đất số 147; chị sẽ hoàn lại giá trị phần đất xây lấn qua thửa đất số 43 cho ông Nguyễn Thanh P do lúc xây nhà ông P đã đồng ý cho chị và anh T1 cất lấn qua đất của ông P.

- Anh Nguyễn Thanh T1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Thúy H1 do thửa đất số 148 có căn nhà trên đất là thửa đất thuộc quyền sử dụng của riêng anh, còn thửa đất số 147 là thửa đất của chị Nguyễn Thanh T2 do anh đứng tên giùm. Các thửa đất này do cha anh là ông Nguyễn Thanh P cho riêng anh và chị T2.

- Ông Nguyễn Thanh P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Thúy H1 và xác định thửa đất 148 là thửa đất ông cho riêng anh T1, còn thửa đất 147 là thửa đất ông cho chị T2 nhưng chị T2 để anh T1 đứng tên.

- Chị Nguyễn Thanh T2 xác định chị thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm; ngoài ra, chị xác định thửa đất 147 không có căn nhà là thửa đất của chị nhưng chị để cho anh T1 đứng tên.

- Bà Lê Thị H2 thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thúy H1 xác định hai thửa đất số 147 và 148 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là tài sản mà ông P tặng cho anh T1 và chị Thúy H1 trong thời kỳ hôn nhân của anh chị. Căn cứ Điều 22 của Hiến pháp năm 2013, Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chia cho chị Thúy H1 căn nhà gắn liền thửa đất số 148, chia cho anh T1 thửa đất số 147, chị Thúy H1 hoàn lại ½ giá trị tài sản trên thửa đất số 148 cho anh T1 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản tại cấp phúc thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh P đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bác yêu cầu kháng cáo của chị Thúy H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm do các thửa đất số 147 và 148 là tài sản của ông P tặng riêng cho anh T1; chứng cứ là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P và anh T1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh T1, không cấp cho chị Thúy H1.

- Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chấp hành đúng pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thúy H1, sửa án sơ thẩm theo hướng giao căn nhà và thửa đất 148 cho chị Thúy H1; chị Thúy H1 phải hoàn trả giá trị đất và ½ giá trị căn nhà và vật kiến trúc trên đất lại cho T1; ngoài ra, chị Thúy H1 còn trả lại giá trị đất cho ông Nguyễn Thanh P đối với phần nhà xây dựng lấn qua thửa 43 của ông P theo sự tự nguyện của chị Thúy H1. Chị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thúy H1 về việc công nhận hai thửa đất số 147 và 148 là tài sản chung của chị và anh Nguyễn Thanh T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Thúy H1 cho rằng hai thửa đất số 147 và 148, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của chị và anh Tân, đất có nguồn gốc là của ông Nguyễn Thanh P (cha ruột anh T1) cho chị và anh T1 trong thời kỳ hôn nhân của anh chị; do đó, chị Thúy H1 kháng cáo yêu cầu công nhận hai thửa đất này là tài sản chung của chị và anh T1. Chứng cứ mà chị Thúy H1 đưa ra để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị là Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P và anh T1 trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh T1, trong đó không có ghi nguồn gốc đất là của cha tặng riêng cho con trai ruột; ngoài ra còn có bức thư của anh T1 gửi cho chị có nội dung anh T1 thừa nhận hai thửa đất số 147 và 148 là tài sản chung của chị và anh T1.

Căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Thanh T1, được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B chứng thực vào ngày 24/7/2014; căn cứ vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 122724 và BV 122725 do Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp cho anh Nguyễn Thanh T1 và Công văn số 852/UBND-NC ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc hai thửa đất số 147 và 148 là của ông P tặng cho cá nhân anh T1 trong thời kỳ hôn nhân của chị Thúy H1 và anh T1 chứ không phải tặng cho chung chị Thúy H1 và anh T1. Ý chí tặng cho đất của ông P đối với cá nhân anh T1 được thể hiện rõ tại Điều 1 của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, vì tại Điều 1 của Hợp đồng này có ghi: *"cha tặng cho con trai ruột"*. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 và ông P cũng xác định sự việc tặng cho quyền sử dụng đất đúng như nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên. Hơn nữa, tại thời điểm ông P tặng cho quyền sử dụng đất anh T1 thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ có quy định và hướng dẫn rõ: *"Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên của cả vợ và chồng"* (theo Điều 27của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000) và *"Việc đăng ký các tài sản, quyền lài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng phải ghi tên của cả vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực"* (theo khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ). Như vậy, theo quy định và

hướng dẫn này thì chị Thúy H1 không phải là chủ sử dụng đất cùng với anh T1 do hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 147 và thửa số 148 mà Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp ngày 09/9/2014 (số BV 122724 và số BV 122725) chỉ ghi tên anh T1 mà không ghi tên chị Thúy H1. Về việc chị Thúy H1 đưa ra chứng cứ là bức thư tay của anh T1 gửi chị Thúy H1 để chứng minh hai thửa đất số 147 và 148 là tài sản chung của chị và anh T1, xét thấy, sau khi anh T1 được ông P tặng cho quyền sử dụng đất, anh T1 không nhập hai thửa đất số 147 và 148 vào tài sản chung của vợ chồng; về nội dung bức thư của anh T1 gửi chị H1, xét thấy đây là bức thư có nội dung anh T1 dự định sẽ làm lại giấy tờ đất điền tên chị Thúy H1 vào chứ không phải là văn bản về việc nhập tài sản riêng của một bên vào tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định hai thửa đất số 147 và 148 là tài sản chung của chị Thúy H1 và anh T1 theo yêu cầu của chị Thúy H1 và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thúy H1. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P là có căn cứ.

Việc anh Nguyễn Thanh T1 và chị Nguyễn Thanh T2 cho rằng thửa đất số 147 không phải là tài sản của anh T1 mà là tài sản của chị T2 là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T1 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P và anh T1 là những giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của anh T1 đối với thửa đất số 147; anh T1 và chị T2 không có chứng cứ để chứng minh thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị T2.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thúy H1 về việc chia cho chị thửa đất số 148 gắn liền với căn nhà và vật kiến trúc trên đất, chia cho anh T1 thửa 147, chị sẽ hoàn lại ½ giá trị căn nhà và vật kiến trúc trên thửa 148 cho anh T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do hai thửa đất số 147 và 148, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là tài sản riêng của anh T1 nên chị Thúy H1 yêu cầu chia tài sản chung là hai thửa đất là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với căn nhà và vật kiến trúc nằm trên thửa đất số 148, chị Thúy H1 và anh T1 cùng xác nhận đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc chị Thúy H1 yêu cầu chia đôi căn nhà và vật kiến trúc trên đất là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét thấy, hiện tại, chị Thúy H1 là người trực tiếp nuôi con chưa thành niên là cháu Nguyễn Thanh H – sinh ngày 06/4/2011; hiện tại, cháu H và chị Thúy H1 đang gặp khó khăn về chỗ ở, còn anh Tân thì có quyền sử dụng đất có thể tạo lập chỗ ở mới. Theo quy định tại khoản 5 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn phải đảm bảo nguyên tắc *"Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên,..."*. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thúy H1 về việc chia cho chị căn nhà cùng các vật kiến trúc trên thửa đất số 148, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để cháu H và chị có chỗ ở ổn định; chị Thúy H1 phải có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị căn nhà

cùng các vật kiến trúc trên thửa đất 148 cho anh T1, cụ thể: Căn nhà và vật kiến trúc nằm trên thửa đất số 148 được Hội đồng định giá tài sản tỉnh Vĩnh Long định giá và được chị Thúy H1 và anh T1 thống nhất với giá là 264.668.587đ. Do chị Thúy H1 được sở hữu căn nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 148 của anh T1 nên chị Thúy H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả ½ giá trị tài sản này cho anh T1 với số tiền là 132.334.293đ, tính tròn là 132.334.200đ. Do căn nhà và các vật kiến trúc nằm trên thửa đất số 148 của anh T1 nên chị Thúy H1 được sử dụng thửa đất số 148 nhưng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị phần đất này cho anh T1 theo kết quả đo đạc và định giá của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Vĩnh Long, cụ thể: Thửa đất số 148 có diện tích theo đo đạc thực tế là 221,3m^2, có giá là 99.260.000đ (50m^2 đất thổ giá 1.300.000đ/m^2; 171,3m^2 đất vườn giá 200.000đ/m^2). Tổng cộng chị Thúy H1 phải hoàn lại cho anh T1 số tiền là: 132.334.200đ + 99.260.000đ = 231.594.200đ.

[3] Đối với phần nhà và vật kiến trúc xây dựng lấn qua thửa 43 của ông P và thửa 147 của anh T1, xét thấy:

Theo kết quả đo đạc của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thì: Phần đất mà căn nhà và vật kiến trúc của chị Thúy H1 và anh T1 xây lấn thửa 43 gồm nhà có kết cấu chịu lực bằng gạch đá có diện tích 13,9m^2, nhà có kết cấu chịu lực bằng gỗ có diện tích là 8,0m^2, mái tôn có diện tích 9,7m^2, hồ nước có diện tích 0,9m^2. Phần đất mà căn nhà và vật kiến trúc của chị Thúy H1 và anh T1 xây lấn qua thửa 147 của anh T1 gồm 0,1m^2 nhà và 0,6m^2 mái tôn.

Đối với phần nhà xây lấn thửa 43 có kết cấu chịu lực bằng gạch đá (13,9m^2), xét thấy, nếu phần nhà này bị tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu của căn nhà mà chị Thúy H1 được hưởng; hơn nữa, khi chị Thúy H1 và anh T1 xây dựng căn nhà thì ông P đã đồng ý cho anh chị xây lấn qua thửa đất số 43 của ông; vì vậy, việc chị Thúy H1 tự nguyện hoàn trả lại giá trị đất cho ông P để giữ nguyên hiện trạng sử dụng nhà, đất là có căn cứ nên được chấp nhận. Như vậy, giá trị phần đất mà chị Thúy H1 phải hoàn lại cho ông P là: 13,9m^2 x 200.000đ/m^2 = 2.780.000đ.

Đối với phần nhà có kết cấu chịu lực bằng gỗ (8,0m^2), mái tôn (9,7m^2) và hồ nước (0,9m^2) nằm trên thửa 43 của ông P và một phần nhà (0,1m^2), mái tôn (0,6m^2) nằm trên thửa đất 147 của anh T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Những phần này có thể tháo dỡ để trả lại đất cho ông P và anh T1; chị Thúy H1 là người được sở hữu căn nhà và các vật kiến trúc gắn liền thửa đất 148 và chị cũng tự nguyện tháo dỡ nếu không hoàn giá trị cho chủ sử dụng đất nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc chị Thúy H1 phải có nghĩa vụ tháo dỡ những phần này để trả lại đất lấn cho ông P và anh T1.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của chị Thúy H1 là có căn cứ chấp nhận một phần như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long như đã phân tích trên.

[5] Về chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc, định giá tài sản tổng cộng là 5.311.600đ (tại hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm), trong đó chị Thúy H1 phải chịu 3.186.900đ, anh Tân chịu 2.124.700đ. Do chị Thúy H1 đã nộp tạm ứng chi phí nên anh T1 phải hoàn lại cho chị Thúy H1 số tiền 2.124.700đ.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm. Chị Thúy H1 và anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà anh chị được chia; riêng chị Thúy H1 còn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên chị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Thúy H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thúy H1.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

1. Áp dụng Điều 213, Điều 219 và Điều 274 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về tài sản chung:

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thúy H1 về việc công nhận hai thửa đất số 147 và 148, tờ bản đồ số 44, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của chị Nguyễn Thúy H1 và anh Nguyễn Thanh T1.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy H1:

+ Chị Nguyễn Thúy H1 được quyền sở hữu căn nhà và các vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thửa số 148, tờ bản đồ số 44, diện tích 221,3m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (gồm các mốc 2,3,4,5,2).

+ Anh Nguyễn Thanh T1 được hưởng ½ giá trị tài sản chung là căn nhà và các vật kiến trúc thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, với số tiền là 132.334.200đ (Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

+ Buộc chị Nguyễn Thúy H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh T1 ½ giá trị căn nhà và các vật kiến trúc mà anh T1 được hưởng với số tiền là 132.334.200đ (Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm đồng); đồng thời, chị Nguyễn Thúy H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh T1 toàn bộ giá trị quyền sử dụng thửa đất số 148, tờ bản đồ số 44, diện tích

221,3m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, với số tiền là 99.260.000đ (Chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là *231.594.200đ (Hai trăm ba mươi mốt triệu năm trăm chín mươi tư ngàn hai trăm đồng).*

+ Buộc chị Nguyễn Thúy H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh P giá trị quyền sử dụng đất 13,9m^2 thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long với số tiền là *2.780.000đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng)*; chị Nguyễn Thúy H1 được sử dụng 13,9m^2 đất này theo hiện trạng sử dụng thực tế.

+ Chị Nguyễn Thúy H1 có nghĩa vụ tháo dỡ phần nhà và vật kiến trúc xây lấn qua thửa 43 của ông Nguyễn Thanh P và thửa 147 của anh Nguyễn Thanh T1, cùng tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để trả lại quyền sử dụng đất cho ông P và anh T1, gồm: 8,0m^2 nhà có kết cấu chịu lực bằng gỗ, 9,7m^2 mái tôn và 0,9m^2 hồ nước xây lấn qua thửa 43 của ông P; 0,1m^2 nhà và 0,6m^2 mái tôn xây lấn qua thửa đất số 147 của anh T1.

(Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đính kèm bản án).

Chị Nguyễn Thúy H1 có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí đo đạc, định giá: Chị Nguyễn Thúy H1 chịu 3.186.900đ (Ba triệu một trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm đồng), anh Nguyễn Thanh T1 chịu 2.124.700đ (Hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm đồng) chi phí đo đạc, định giá. Chị Thúy H1 đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá nên được khấu trừ, không phải nộp thêm; anh Tân có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Thúy H1 2.124.700đ (Hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm đồng) chi phí đo đạc, định giá.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thúy H1 chịu 11.718.700đ (Mười một triệu bảy trăm mười tám ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 16.015.000đ (Mười sáu triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) mà chị Thúy H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0008602 ngày 07/4/2017; số tiền chênh lệch là 4.296.300đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm đồng) được hoàn trả lại cho chị Thúy H1.

+ Anh Nguyễn Thanh T1 chịu 6.616.700đ (Sáu triệu sáu trăm mười sáu ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thúy H1 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H1 đã nộp

theo biên lai thu số 0008806 ngày 20/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND thị xã Bình Minh;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà